TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **61**/2019/QĐST-DS	*B, ngày 08 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa Th1 được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 203/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa Th1 của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Th1 giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Th1 đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Th1 của các đương sự :

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp Lộc T, xã Lộc Th1, huyện B, tỉnh T.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp Lộc T, xã Lộc Th1, huyện B, tỉnh T.

2. Sự thỏa Th1 của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị E thừa nhận còn nợ ông Trần Văn H số tiền vay là 26.150.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H số nợ 26.150.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi tháng trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trong thời hạn 17 tháng, thời gian bắt đầu trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngày 30/8/2019, vào tháng thứ 17 trả 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn H cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Ông Trần Văn H tự nguyện chịu án phí là 327.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp 654.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003527 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh T. Vậy, ông Trần Văn H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 327.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị E phải chịu án phí là 327.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị E là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Loan